

Số: 114/2022/QĐST-HNGĐ

K, ngày 26 tháng 7 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 50/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2021, giữa:

- **Nguyên đơn: Ông Phan Văn T** – sinh năm 1969.

Địa chỉ: Số 17 đường Hoàng Diệu, khu phố Cư Xá, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

- **Bị đơn: Bà Trần Thị Ánh T1** – sinh năm 1972.

Địa chỉ: Số 17 đường Hoàng Diệu, khu phố Cư Xá, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 217, 218, 219 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82 của Luật Hôn N và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 7 năm 2022.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 7 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Phan Văn T và bà Trần Thị Ánh T1.

**2.** Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn N: Ông Phan Văn T và bà Trần Thị Ánh T1 thuận tình ly hôn với nhau.

- Về con chung: Ông T và bà T1 có 01 người con chung là Phan Trần N – sinh ngày 19/12/2013. Ông T và bà T1 thoả thuận: Giao cháu Phan Trần N cho bà T1 tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) là phù hợp với nguyện vọng của cháu N.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng bắt đầu thực hiện vào ngày

10/8/2022.

Không ai được quyền ngăn cản việc thăm nom và chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung:

Đình chỉ yêu cầu phản tố của bà Trần Thị Ánh T1 về việc chia tài sản chung do bà T1 rút toàn bộ yêu cầu phản tố.

Ông T và bà T1 xin tự thỏa thuận về việc chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông T và bà T1 xác định không có nợ chung và không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

- Về án phí sơ thẩm:

Án phí hôn N là 150.000 đồng, mỗi bên chịu một nửa, ông T tự nguyện nộp hết. Ông T phải chịu án phí cấp dưỡng là 150.000 đồng. Số tiền án phí ông T phải nộp là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo lai thu số 0000337 ngày 23/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Bà Trần Thị Ánh T1 được trả lại tiền tạm ứng án phí là 12.000.000 đồng theo lai thu số 0000432 ngày 05/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- Viện kiểm sát N dân huyện K;
- UBND TT K, H.K, T.Kiên Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Văn Pho**